

Số: 175 /KH-UBND

Quận 11, ngày 10 tháng 6 năm 2024

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện chính sách đặc thù chăm lo, hỗ trợ người cao tuổi, trẻ em mồ côi và những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn Quận

Căn cứ Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách đặc thù, chăm lo, hỗ trợ người cao tuổi, trẻ em mồ côi và những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn Thành Phố (viết tắt là Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND);

Căn cứ Quyết định số 1110/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện chính sách đặc thù chăm lo, hỗ trợ người cao tuổi, trẻ em mồ côi và những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt là Quyết định số 1110/QĐ-UBND);

Căn cứ Hướng dẫn số 9801/HD-SLĐTBXH ngày 03 tháng 5 năm 2024 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Thành phố về hướng dẫn quy trình khảo sát, xét duyệt danh sách, phương thức, thủ tục chi trả và thanh, quyết toán kinh phí thực hiện một số chính sách đặc thù chăm lo, hỗ trợ người cao tuổi, trẻ em mồ côi và những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Ủy ban nhân dân quận xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện chính sách đặc thù, chăm lo, hỗ trợ người cao tuổi, trẻ em mồ côi và những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn quận, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:

1. Mục đích

- Kịp thời hỗ trợ người cao tuổi, trẻ em mồ côi và những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn chưa được hưởng chính sách xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ (sau đây gọi tắt là Nghị định số 20/2021/NĐ-CP) được chăm lo, hỗ trợ để ổn định cuộc sống, góp phần đảm bảo an sinh xã hội.

- Thu hẹp khoảng cách chênh lệch về mức sống giữa những đối tượng đặc biệt được thụ hưởng chính sách trợ giúp này với những người có cuộc sống bình thường tại nơi cư trú được hưởng đầy đủ các quyền theo quy định pháp luật.

2. Yêu cầu

- Triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ đảm bảo kịp thời, đúng đối tượng, công khai, minh bạch, không để lợi dụng, trục lợi chính sách.

- Quy trình thực hiện phải đồng bộ, thống nhất, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội với phương thức hỗ trợ linh hoạt, thuận lợi cho đối tượng được hưởng chính sách.

II. NGUYÊN TẮC HỖ TRỢ

1. Quá trình rà soát, lập danh sách, tổ chức thẩm định và phê duyệt phải đảm bảo nguyên tắc chi đủ, chi đúng, không bỏ sót, không trùng lặp.

2. Công khai, minh bạch, thuận lợi về thủ tục cho người thụ hưởng nhưng không lợi dụng, trục lợi chính sách. Trường hợp có sự trùng lặp về chính sách hỗ trợ đối với các đối tượng được quy định trong Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND với các văn bản quy phạm pháp luật khác đang thực hiện thì chỉ được hưởng một chế độ hỗ trợ cao nhất.

3. Huy động tối đa mọi nguồn lực, ngoài nguồn ngân sách Quận giao các ngành và Ủy ban nhân dân các phường tích cực vận động mọi nguồn lực xã hội để cùng chăm lo, hỗ trợ người dân gặp khó khăn.

III. XÁC ĐỊNH ĐỐI TƯỢNG, CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ VÀ HỒ SƠ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC NHÓM ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 35/2023/NQ-HĐND:

Đối tượng được quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4 Điều 1, Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách đặc thù chăm lo, hỗ trợ người cao tuổi, trẻ em mồ côi và những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn Thành phố có đăng ký thường trú, tạm trú theo quy định của pháp luật về cư trú như sau:

1. Nhóm 1: Chính sách hỗ trợ nhóm người cao tuổi không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp xã hội hàng tháng:

1.1. Xác định đối tượng, chính sách hỗ trợ:

Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp xã hội hàng tháng: sống đơn thân/neo đơn (là người có chồng, vợ, con, người trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng đã tử vong); hoặc sống độc thân (không chồng, vợ, có giấy xác nhận sống độc thân theo quy định Luật Hộ tịch) hiện sống một mình hoặc sống với người thân được xác định mức thu nhập theo bộ tiêu chí đo lường nghèo đa chiều của Thành phố quy định được chăm lo, hỗ trợ:

- Cấp thẻ bảo hiểm y tế,
- Mức hỗ trợ 1,0 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội của Thành phố quy định/người/tháng.

1.2. Hồ sơ liên quan đối tượng hưởng chính sách đặc thù cần phải có, gồm:

- Tờ khai đề nghị hưởng chính sách (Theo mẫu Tờ khai đính kèm).
- Giấy trích lục khai tử/Giấy báo tử liên quan đến nhóm đối tượng Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên: sống đơn thân/neo đơn (là người có chồng, vợ, con, người trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng đã tử vong).
- Giấy xác nhận thực tế cư trú tại địa phương của Công an phường theo quy định của Luật Cư trú và Nghị định số 62/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Cư trú (theo mẫu CT10 ban hành kèm

theo Thông tư số 66/2023/TT-BCA ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công an).

2. Nhóm 2: Chính sách hỗ trợ nhóm người thuộc hộ nghèo, cận nghèo theo bộ tiêu chí đo lường nghèo đa chiều của Thành phố quy định nhưng chưa được hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội hoặc trợ cấp xã hội hàng tháng:

2.1. Xác định đối tượng, chính sách hỗ trợ:

- Người thuộc hộ nghèo, cận nghèo theo bộ tiêu chí đo lường nghèo đa chiều của Thành phố quy định bị bệnh hiểm nghèo (có xác nhận điều trị theo quy định tại Danh mục bệnh hiểm nghèo của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ, Công văn số 6383/BTC-TCT ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn Điều 5 của Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ, quy định của Bộ Y tế); Người thuộc hộ nghèo, cận nghèo theo bộ tiêu chí đo lường nghèo đa chiều của Thành phố quy định bị suy giảm khả năng lao động từ 31% trở lên do bị tai nạn lao động, tai nạn giao thông, tai nạn khác (có xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền Hội đồng giám định y khoa với tỷ lệ suy giảm khả năng lao động từ 31% trở lên, được quy định tại khoản 1 Điều 47 Luật Bảo hiểm xã hội) được chăm lo, hỗ trợ:

- Cấp thẻ bảo hiểm y tế
- Mức hỗ trợ 1,0 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội của Thành phố quy định/người/tháng.

2.2. Hồ sơ liên quan đối tượng hưởng chính sách đặc thù cần phải có, gồm:

- Tờ khai đề nghị được hưởng chính sách (Theo mẫu Tờ khai đính kèm).
- Giấy chứng nhận thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo (bản sao).
- Giấy xác nhận/giám định hay hồ sơ bệnh án đang điều trị đối với người bị bệnh hiểm nghèo (có xác nhận điều trị theo quy định tại Danh mục bệnh hiểm nghèo của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ, Công văn số 6383/BTC-TCT ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn Điều 5 của Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ, quy định của Bộ Y tế) hoặc Giấy giám định tỷ lệ suy giảm khả năng lao động từ 31% trở lên của Hội đồng giám định y khoa đối với người bị tai nạn lao động, tai nạn giao thông, tai nạn khác (có xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền Hội đồng giám định y khoa với tỷ lệ suy giảm khả năng lao động từ 31% trở lên, được quy định tại khoản 1 Điều 47 Luật Bảo hiểm xã hội).
- Giấy xác nhận thực tế cư trú tại địa phương của Công an phường theo quy định của Luật Cư trú và Nghị định số 62/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Cư trú (theo mẫu CT10 ban hành kèm theo Thông tư số 66/2023/TT-BCA ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công an).

3. Nhóm 3: Chính sách hỗ trợ, chăm lo cho nhóm trẻ em mồ côi, trẻ em bị bỏ rơi, trẻ có hoàn cảnh đặc biệt (chưa được hưởng trợ cấp xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP):

3.1. Xác định đối tượng, chính sách hỗ trợ:

a. Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ và bị người còn lại bỏ rơi, sống với ông, bà hoặc người nuôi dưỡng nhưng hiện nay ông, bà hoặc người nuôi dưỡng đều đã tử vong được chăm lo, hỗ trợ:

- Cấp thẻ bảo hiểm y tế (trừ trẻ em dưới 6 tuổi).
- Mức hỗ trợ 2,5 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội của Thành phố quy định/trẻ dưới 4 tuổi/tháng.
- Mức hỗ trợ 1,5 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội của Thành phố quy định/trẻ từ đủ 4 tuổi trở lên/tháng.

b. Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ (hiện trẻ sống chung với cha hoặc mẹ; hoặc trẻ sống chung với người thân) được xác định mức thu nhập theo bộ tiêu chí đo lường nghèo đa chiều của Thành phố quy định được chăm lo, hỗ trợ:

- Cấp thẻ bảo hiểm y tế (trừ trẻ em dưới 6 tuổi).
- Mức hỗ trợ 1,25 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội của Thành phố quy định/trẻ /tháng.

c. Trẻ em có cha và mẹ hoặc cha hay mẹ đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc (hiện trẻ sống chung với cha hoặc mẹ; hoặc trẻ sống chung với người thân) được xác định mức thu nhập theo bộ tiêu chí đo lường nghèo đa chiều của Thành phố quy định được chăm lo, hỗ trợ:

- Cấp thẻ bảo hiểm y tế (trừ trẻ em dưới 6 tuổi).
- Mức hỗ trợ 1,0 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội của Thành phố quy định/trẻ /tháng.

d. Trẻ em có cha và mẹ hoặc cha hay mẹ là đối tượng đang hưởng trợ cấp xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ (hiện trẻ sống chung với cha hoặc mẹ; hoặc trẻ sống chung với người thân) được xác định mức thu nhập theo bộ tiêu chí đo lường nghèo đa chiều của Thành phố quy định được chăm lo, hỗ trợ:

- Cấp thẻ bảo hiểm y tế
- Mức hỗ trợ 1,0 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội của Thành phố quy định/trẻ /tháng.

Về chính sách hỗ trợ giáo dục: trẻ em Nhóm 3 được hỗ trợ học phí cho trẻ mầm non, học sinh phổ thông công lập, giáo dục thường xuyên, bằng với mức học phí do Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định; Riêng trường hợp trẻ em đang học tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục thì mức hỗ trợ học phí bằng với mức học phí của trường công lập.

3.2. Hồ sơ liên quan đối tượng hưởng chính sách đặc thù cần phải có, gồm:

- Giấy xác nhận thực tế cư trú tại địa phương của Công an phường theo qui định của Luật Cư trú và Nghị định số 62/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Cư trú (theo mẫu CT10 ban hành kèm theo Thông tư số 66/2023/TT-BCA ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công an).

a) Đối với trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ và bị người còn lại bỏ rơi, sống với ông, bà hoặc người nuôi dưỡng nhưng hiện nay ông, bà hoặc người nuôi dưỡng đều đã tử vong, hồ sơ cung cấp gồm:

- Tờ khai đề nghị được hưởng chính sách (Theo mẫu Tờ khai đính kèm).
- Giấy khai tử hoặc Giấy báo tử của cha hoặc mẹ trẻ và giấy báo tử của ông/bà hoặc người nuôi dưỡng trẻ.
- Giấy khai sinh của trẻ (bản sao).

b) Đối với trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ (hiện trẻ sống chung với cha hoặc mẹ; hoặc trẻ sống chung với người thân) được xác định mức thu nhập theo bộ tiêu chí đo lường nghèo đa chiều của Thành phố quy định, hồ sơ cung cấp gồm:

- Tờ khai đề nghị được hưởng chính sách (Theo mẫu Tờ khai đính kèm).
- Giấy khai tử hoặc Giấy báo tử của cha hoặc mẹ trẻ.
- Giấy khai sinh của trẻ (bản sao).

c) Đối với trẻ em có cha và mẹ hoặc cha hay mẹ đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc (hiện trẻ sống chung với cha hoặc mẹ; hoặc trẻ sống chung với người thân) được xác định mức thu nhập theo bộ tiêu chí đo lường nghèo đa chiều của Thành phố quy định, hồ sơ cung cấp gồm:

- Tờ khai đề nghị được hưởng chính sách (Theo mẫu Tờ khai đính kèm).
- Quyết định phạt tù của cơ quan có thẩm quyền, hay Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại Trường Giáo dưỡng/Cơ sở giáo dục bắt buộc nơi cha hoặc mẹ trẻ đang thi hành Quyết định (bản sao).
- Giấy khai sinh của trẻ (bản sao).

d) Đối với trẻ em có cha hoặc mẹ là đối tượng đang hưởng trợ cấp xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ (hiện trẻ sống chung với cha hoặc mẹ; hoặc trẻ sống chung với người thân) được xác định mức thu nhập theo bộ tiêu chí đo lường nghèo đa chiều của Thành phố quy định, hồ sơ cung cấp gồm:

- Tờ khai đề nghị được hưởng chính sách (Theo mẫu Tờ khai đính kèm).
- Quyết định hưởng trợ cấp xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP đối với cha hoặc mẹ trẻ.
- Giấy khai sinh của trẻ.

4. Chính sách hỗ trợ cấp thẻ Bảo hiểm y tế cho các nhóm đối tượng có hoàn cảnh khó khăn, gồm:

a) Trẻ em từ đủ 6 tuổi đến dưới 16 tuổi bị khuyết tật nhẹ (được Hội đồng xác định mức độ khuyết tật kết luận và cấp Giấy xác nhận khuyết tật xác định mức độ khuyết tật nhẹ) được xác định mức thu nhập theo bộ tiêu chí đo lường nghèo đa chiều của Thành phố quy định: được hỗ trợ cấp thẻ Bảo hiểm y tế (trừ trẻ em dưới 6 tuổi). Hồ sơ gồm có:

- + Tờ khai đề nghị hưởng bảo hiểm y tế.
- + Giấy xác nhận thực tế cư trú tại địa phương của Công an phường theo quy định của Luật Cư trú và Nghị định số 62/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Cư trú (theo mẫu CT10 ban hành kèm theo Thông tư số 66/2023/TT-BCA ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công an).

- + Giấy khai sinh của trẻ (bản sao).
- + Giấy xác nhận khuyết tật (bản sao).
- + Danh sách/xác nhận, bảng tổng hợp số lượng đối tượng và biên bản khảo sát bình nghị hộ gia đình, đối tượng được hưởng chính sách đặc thù được xác định mức thu nhập theo bộ tiêu chí đo lường nghèo đa chiều của Thành phố quy định.

b) Người mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận điều trị theo quy định tại Danh mục bệnh hiểm nghèo của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ, Công văn số 6383/BTC-TCT ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn Điều 5 của Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ, quy định của Bộ Y tế) được xác định mức thu nhập theo Bộ tiêu chí đo lường nghèo đa chiều của Thành phố quy định: được hỗ trợ cấp thẻ Bảo hiểm y tế. Mệnh giá thẻ/năm theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế (trừ trường hợp trẻ dưới 6 tuổi, người thuộc diện hộ nghèo; riêng người hộ cận nghèo hỗ trợ kinh phí 30% giá trị thẻ còn lại sau khi đã được hỗ trợ 70% giá trị thẻ được thụ hưởng trong Chương trình Giảm nghèo bền vững). Hồ sơ gồm có:

- + Tờ khai đề nghị hưởng bảo hiểm y tế.
- + Giấy xác nhận thực tế cư trú tại địa phương của Công an phường theo quy định của Luật Cư trú và Nghị định số 62/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Cư trú (theo mẫu CT10 ban hành kèm theo Thông tư số 66/2023/TT-BCA ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công an).

- + Giấy xác nhận/giám định hay hồ sơ bệnh án đang điều trị đối với người mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận điều trị theo quy định Danh mục bệnh hiểm nghèo của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ, Công văn số 6383/BTC-TCT ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn Điều 5 của Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ, quy định của Bộ Y tế) được xác định mức thu nhập theo bộ tiêu chí đo lường nghèo đa chiều của Thành phố quy định.

- + Danh sách/xác nhận, bảng tổng hợp số lượng đối tượng và biên bản khảo sát bình nghị hộ gia đình, đối tượng được hưởng chính sách đặc thù được xác định mức thu nhập theo bộ tiêu chí đo lường nghèo đa chiều của Thành phố quy định.

c) Học sinh đang theo học tại các cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục dân lập, tư thục, giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố, được xác định mức thu nhập theo bộ tiêu chí đo lường nghèo đa chiều của Thành phố quy định (có thẻ bảo hiểm y tế diện học sinh được ngân sách nhà nước hỗ trợ 30% theo Luật Bảo hiểm y tế): được hỗ trợ 70% kinh phí mua bảo hiểm y tế. Hồ sơ gồm có:

- + Giấy khai sinh của trẻ (bản sao).
- + Photo thẻ Bảo hiểm y tế của trẻ (bản sao).
- + Giấy xác nhận thực tế cư trú tại địa phương của Công an phường theo quy định của Luật Cư trú và Nghị định số 62/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Cư trú (theo mẫu CT10 ban hành kèm theo Thông tư số 66/2023/TT-BCA ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công an).

+ Danh sách/xác nhận, bảng tổng hợp số lượng đối tượng và biên bản khảo sát bình nghị hộ gia đình, đối tượng được hưởng chính sách đặc thù được xác định mức thu nhập theo bộ tiêu chí đo lường nghèo đa chiều của Thành phố quy định.

5. Cách xác định mức thu nhập theo bộ tiêu chí đo lường nghèo đa chiều của Thành phố (thực hiện thu nhập năm 2024-2025 là từ 46.000.000 đồng/người/năm trở xuống. Mức chuẩn nghèo Thành phố sẽ được điều chỉnh theo từng giai đoạn), **được tính như sau:**

- Thu nhập của từng thành viên trong năm = Thu nhập bình quân hàng tháng x số tháng có việc làm trong 12 tháng qua.
- Tổng thu nhập của hộ trong năm = Cộng thu nhập của tất cả các thành viên trong 12 tháng qua.
- Cách tính thu nhập bình quân 01 người/năm = Tổng thu nhập của hộ trong năm/tổng số thành viên của hộ (Thu nhập bình quân của thành viên trong năm là thu nhập bình quân của 1 người trong năm của hộ).

IV. QUY TRÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

1. Quy trình rà soát, xét duyệt và chi trả trợ cấp cho đối tượng

a) Đối với Ủy ban nhân dân phường

Bước 1: Hướng dẫn đối tượng viết tờ khai đề nghị trợ giúp và cung cấp hồ sơ để xét duyệt

Hướng dẫn đối tượng có nhu cầu hỗ trợ hoặc người được ủy quyền của đối tượng (i) Viết tờ khai đề nghị trợ giúp xã hội kèm bản kê khai thu nhập. *Lưu ý: Trường hợp đối tượng không có khả năng viết tờ khai đề nghị hoặc không có người giám hộ, người thân thích sống cùng viết tờ khai đề nghị được hỗ trợ thì Trưởng khu phố sẽ hỗ trợ viết thay hoặc thông qua người được ủy quyền theo quy định pháp luật (nếu có);* (ii) Cung cấp phiếu xác minh thông tin về cư trú tại địa phương do Công an phường xác nhận (theo mẫu đính kèm); (iii) Nộp bản sao giấy tờ chứng minh có liên quan.

Riêng Nhóm 2: Trên cơ sở danh sách hộ nghèo, cận nghèo theo bộ tiêu chí nghèo đa chiều của Thành phố quy định do địa phương đang quản lý; Trưởng khu phố hay (Ban điều hành khu phố) thực hiện khảo sát, rà soát thông tin của đối tượng trong các hộ gia đình để xác định các đối tượng thuộc nhóm 2, hướng dẫn đối tượng có nhu cầu hỗ trợ hoặc người được ủy quyền của đối tượng viết Tờ khai đề nghị trợ giúp xã hội và nộp các bản sao giấy tờ chứng minh có liên quan.

Bước 2: Nghiệm thu tờ khai, tổng hợp danh sách

Sau khi tổ chức khảo sát, rà soát; trong vòng **07** ngày, cán bộ phụ trách công

tác Lao động - Thương binh và Xã hội phường phối hợp cùng Trưởng khu phố nghiệm thu Tờ khai đề nghị trợ giúp xã hội và tổng hợp Danh sách theo từng nhóm đối tượng (*theo mẫu Danh sách đính kèm*).

Riêng Nhóm 2: đã được Ủy ban nhân dân phường ban hành Quyết định công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo tại thời điểm rà soát, khảo sát; vì vậy, không thực hiện quy trình bình nghị công khai ở bước 3 và bước 4.

Bước 3: Tổ chức họp để thống nhất kết quả khảo sát, rà soát.

- Thành phần tham dự gồm: Đại diện lãnh đạo Đảng ủy, Ủy ban nhân dân phường (chủ trì), Ban Chỉ huy Công an phường, Hội, các tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ phụ trách Lao động - Thương binh và Xã hội, công tác giảm nghèo, công tác trẻ em..., Cấp ủy chi bộ, Trưởng Ban công tác Mặt trận, Trưởng Ban điều hành khu phố có đối tượng được khảo sát, rà soát; một số hộ gia đình khác cùng dự họp; mời đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường tham dự, giám sát.

- Nội dung cuộc họp: Lấy ý kiến thống nhất của ít nhất 50% tổng số người tham dự họp về kết quả khảo sát, rà soát cho từng nhóm đối tượng. Trường hợp ý kiến thống nhất dưới 50% thực hiện rà soát lại theo quy định tại Bước 2 mục này.

- Kết quả cuộc họp được lập thành 02 biên bản, có chữ ký của chủ trì, thư ký cuộc họp và đại diện của các hộ dân (01 bản lưu ở Khu phố và 01 bản lưu ở Ủy ban nhân dân phường).

Bước 4: Niêm yết, thông báo công khai

- Niêm yết công khai kết quả khảo sát, rà soát cho từng nhóm đối tượng tại Ủy ban nhân dân phường, Nhà văn hóa, bản tin khu phố trong thời gian 03 ngày làm việc.

- Trong thời gian niêm yết, thông báo công khai, trường hợp có khiếu nại của người dân, Ủy ban nhân dân phường tổ chức phúc tra kết quả rà soát theo đúng quy trình rà soát trong thời gian không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được khiếu nại; đồng thời, niêm yết công khai lại kết quả phúc tra theo quy định tại gạch đầu dòng thứ nhất bước 4 nêu trên.

Bước 5: Tổng hợp kết quả và báo cáo

Sau khi đã hết thời gian công khai trong Nhân dân 03 ngày; Ủy ban nhân dân phường thực hiện:

- Báo cáo kết quả khảo sát, rà soát, bình nghị: nêu rõ từng nhóm đối tượng được xét duyệt (*theo mẫu Báo cáo kết quả khảo sát*).

- Lập danh sách tổng hợp theo mẫu từng nhóm đối tượng đề nghị trợ cấp (đã thông qua cuộc họp bình nghị).

- Công văn đề nghị Ủy ban nhân dân Quận (thông qua Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội) xem xét, phê duyệt, quyết định trợ cấp.

- Hồ sơ của từng đối tượng: Tờ khai đề nghị được hưởng trợ cấp và các giấy tờ liên quan đến việc xét trợ cấp (theo phần III nêu trên).

Bước 6:

Ủy ban nhân dân phường tổ chức chi hỗ trợ cho đối tượng (thực hiện bằng hình

thức qua tài khoản ngân hàng) trước ngày 10 hàng tháng và thực hiện thanh quyết toán kinh phí theo quy định.

b) Đối với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận, Phòng Tài chính - Kế hoạch quận:

Bước 1: Trong vòng 05 ngày làm việc kiểm tra, tổng hợp và thẩm định các báo cáo Ủy ban nhân dân phường về kết quả khảo sát, rà soát các nhóm đối tượng trên để báo cáo và tham mưu Ủy ban nhân dân quận Quyết định công nhận hỗ trợ đối với các đối tượng theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Phần III kế hoạch này.

Bước 2: Sau khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận ban hành Quyết định hỗ trợ các nhóm đối tượng, trong vòng 05 ngày làm việc, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội lập dự toán kinh phí thực hiện hỗ trợ đối tượng gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định.

Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được dự toán kinh phí của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội; Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận giao dự toán hàng năm.

Bước 3: Sau khi có Quyết định giao dự toán, căn cứ phân công nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân quận, Phòng Tài chính - Kế hoạch thực hiện chuyển kinh phí cho Ủy ban nhân dân phường để thực hiện việc hỗ trợ người dân, tổng hợp và quyết toán ngân sách theo quy định.

c) Một số lưu ý

- Thực hiện hỗ trợ trước ngày 10 hàng tháng. Thanh, quyết toán kinh phí hỗ trợ hàng tháng trước ngày 10 của tháng tiếp theo.

- Trường hợp đối tượng không nhận hỗ trợ tháng này thì được nhận vào tháng kế tiếp. Trường hợp đối tượng nhận hỗ trợ đi khỏi nơi cư trú quá 02 tháng có lý do chính đáng (đi học, chữa bệnh, thăm người thân) thì được truy lĩnh kinh phí hỗ trợ của những tháng chưa lĩnh.

- Trường hợp đối tượng nhận hỗ trợ di chuyển khỏi nơi cư trú giữa các phường, giữa các quận, huyện, thành phố Thủ Đức trên địa bàn Thành phố; thì Ủy ban nhân dân phường nơi đối tượng chuyển đi làm giấy xác nhận cho đối tượng đến nơi cư trú mới đăng ký, khai báo để tiếp tục nhận hỗ trợ.

- Trường hợp trong 02 tháng liên tiếp đối tượng không nhận tiền hỗ trợ mà không có lý do chính đáng, thì Ủy ban nhân dân phường có văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân quận (thông qua Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội) để ban hành quyết định tạm dừng hỗ trợ.

- Trường hợp đối tượng nhận hỗ trợ đi khỏi nơi cư trú quá 02 tháng về các tỉnh, thành không còn cư trú trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, hoặc bị phạt án tù tại trại giam thì Ủy ban nhân dân phường có văn bản báo cáo về Ủy ban nhân dân quận (thông qua Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội) để ban hành quyết định dừng hỗ trợ và hoàn trả số tiền người dân chưa nhận về ngân sách (nếu có).

- Trường hợp đối tượng nhận hỗ trợ qua đời, Ủy ban nhân dân phường có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản để Ủy ban nhân dân quận (thông qua Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội) ban hành quyết định dừng hỗ trợ kể từ tháng tiếp theo sau

tháng người nhận hỗ trợ qua đời.

2. Quy trình triển khai thực hiện hỗ trợ cấp thẻ Bảo hiểm y tế

Căn cứ danh sách các nhóm đối tượng hỗ trợ cấp thẻ bảo hiểm y tế thuộc hộ có mức thu nhập tương ứng hộ nghèo, hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân phường quyết định công nhận:

a) Đối với Ủy ban nhân dân phường

Bước 1: Trong vòng 05 ngày làm việc, cán bộ phụ trách công tác Lao động - Thương binh và Xã hội phường đối chiếu thông tin trong danh sách do Trưởng khu phố lập hồ sơ quản lý về bảo hiểm y tế (sau đây gọi tắt là BHYT), rà soát và loại bỏ đối tượng đã được cấp thẻ BHYT ở nhóm có quyền lợi cao hơn, tổng hợp lập danh sách đối tượng nhận hỗ trợ thẻ BHYT (theo Mẫu D03-TS);

Bước 2: Sau khi đối chiếu, cán bộ phụ trách công tác Lao động - Thương binh và Xã hội phường tham mưu Ủy ban nhân dân phường báo cáo danh sách người tham gia BHYT (theo mẫu D03-TS) và Tờ khai tham gia, điều chỉnh thông tin bảo hiểm xã hội, BHYT (mẫu TK1-TS) của đối tượng cho Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận.

Bước 3: Trong vòng 05 ngày sau khi nhận thẻ BHYT, Ủy ban nhân dân phường thực hiện trao thẻ BHYT cho đối tượng nhận hỗ trợ.

b) Đối với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận, Bảo hiểm xã hội quận

Bước 1: Trong vòng 05 ngày làm việc sau khi nhận đầy đủ hồ sơ từ phường, Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội tiến hành kiểm tra, xác nhận danh sách người đủ điều kiện hưởng BHYT, gửi hồ sơ đề nghị cấp thẻ BHYT cho đối tượng về Bảo hiểm xã hội quận (kèm file dữ liệu) để được gia hạn hoặc tăng mới BHYT.

Bước 2: Bảo hiểm xã hội quận sau khi nhận được hồ sơ của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội trong vòng 05 ngày làm việc, thực hiện cập nhật dữ liệu cấp thẻ BHYT, in thẻ BHYT. Đồng thời chuyển danh sách cấp thẻ BHYT (theo mẫu D10a-TS) có ký xác nhận của cơ quan Bảo hiểm xã hội đối với các trường hợp được cấp thẻ BHYT hoặc chuyển mẫu số 02 đối với trường hợp không cấp được thẻ BHYT (do sai thông tin cá nhân hoặc sai mã định vị...) đến Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận để chuyển thẻ BHYT về Ủy ban nhân dân phường.

- Định kỳ vào ngày 05 hàng tháng, Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội và Bảo hiểm xã hội quận thực hiện đối chiếu số liệu cấp thẻ BHYT cho các nhóm đối tượng.

c) Một số lưu ý

- Ủy ban nhân dân phường lập danh sách tăng, giảm thẻ BHYT hàng tháng, khi có phát sinh.

- Khi giao nhận thẻ BHYT với cơ quan Bảo hiểm xã hội quận, Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội phải ký Biên bản giao nhận thẻ BHYT theo đúng ngày giờ giao nhận.

- Quy trình thanh quyết toán kinh phí cho các đối tượng được thực hiện như quy

trình thanh toán BHYT cho các đối tượng bảo trợ xã hội.

- Trường hợp đối tượng đủ điều kiện được hỗ trợ BHYT đã mua thẻ BHYT hộ gia đình trong năm 2024, Ủy ban nhân dân phường hướng dẫn người dân lập Tờ khai tham gia BHXH, BHYT (mẫu TK1-TS) ghi rõ nội dung đề nghị hoàn trả tiền tham gia BHYT hộ gia đình do đã được cấp thẻ BHYT diện cao hơn và cung cấp số tài khoản, tên ngân hàng (nếu có), biên lai mua thẻ BHYT (nếu có), photo thẻ BHYT (nếu có) liên hệ Tổ chức dịch vụ thu BHXH, BHYT hoặc Bảo hiểm xã hội quận/huyện nơi đã mua BHYT hộ gia đình trước đó để nộp hồ sơ hoàn trả số tiền đã đóng BHYT hộ gia đình trùng cho đối tượng theo quy định.

3. Quy trình triển khai chính sách hỗ trợ về giáo dục

Căn cứ danh sách các nhóm đối tượng hưởng chính sách đặc thù nhóm 3 do Ủy ban nhân dân quận ký quyết định công nhận.

Bước 1: Trưởng khu phố hướng dẫn đối tượng nhận hỗ trợ, người giám hộ của đối tượng liên hệ cơ sở giáo dục đề nghị cung cấp thông báo đóng học phí và nộp cho cán bộ phụ trách công tác giáo dục phường.

Bước 2: Trong vòng 05 ngày khi tiếp nhận hồ sơ, cán bộ phụ trách công tác giáo dục phối hợp với cán bộ phụ trách công tác Lao động - Thương binh và Xã hội phường đối chiếu thông tin của học sinh với Quyết định công nhận đối tượng nhận hỗ trợ của Ủy ban nhân dân quận; lập danh sách học sinh thuộc diện hưởng chính sách, báo cáo Ủy ban nhân dân phường gửi Phòng Giáo dục và Đào tạo để rà soát, thực hiện hỗ trợ; đồng thời gửi danh sách này đến Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội để biết và tổng hợp.

Bước 3: Ủy ban nhân dân phường tổ chức chi hỗ trợ cho đối tượng (ưu tiên thực hiện bằng hình thức qua tài khoản ngân hàng) và thực hiện thanh quyết toán kinh phí theo quy định.

Trường hợp gia đình đã đóng học phí cho trẻ, tùy tình hình thực tế, Phòng Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các cơ sở giáo dục thực hiện các thủ tục xác nhận đã đóng học phí và hoàn trả bằng tiền mặt/chuyển khoản học phí cho cha mẹ (hoặc người giám hộ) của học sinh.

c) Một số lưu ý

- Học sinh bị kỷ luật ngừng học hoặc buộc thôi học, học lưu ban, học lại, học bổ sung thì không được nhận kinh phí hỗ trợ giáo dục này. Cơ sở giáo dục có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến Phòng Giáo dục và Đào tạo quận nơi học sinh đăng ký thường trú (hoặc tạm trú) đối với các trường hợp học sinh bị kỷ luật nêu trên. Trong vòng 05 ngày khi nhận được thông báo của cơ sở giáo dục, Phòng Giáo dục và Đào tạo thông báo ngay bằng văn bản đến Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp theo quy định.

- Chi trả kinh phí hỗ trợ giáo dục được thực hiện 02 lần/năm (cùng với thời điểm của 2 học kỳ trong niên học), đảm bảo học sinh nhận được kinh phí hỗ trợ của năm học trước khi kết thúc năm học. Trường hợp học sinh hoặc cha mẹ (hoặc người giám hộ) chưa nhận kinh phí hỗ trợ giáo dục theo thời hạn quy định thì được truy lĩnh trong kỳ chi trả tiếp theo.

- Trường hợp gia đình đã đóng học phí cho trẻ, tùy tình hình thực tế, Phòng Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các cơ sở giáo dục thực hiện các thủ tục xác nhận đã đóng học phí và hoàn trả bằng tiền mặt/chuyển khoản học phí cho cha mẹ (hoặc người giám hộ) của học sinh.

V. PHƯƠNG THỨC, NGUỒN KINH PHÍ, THỜI GIAN THỰC HIỆN:

1. Phương thức hỗ trợ: Chi hàng tháng thông qua tài khoản ngân hàng cho các đối tượng thụ hưởng.

2. Nguồn kinh phí hỗ trợ: Ngân sách Nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành.

3. Thời gian thực hiện chính sách: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2024.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1/ Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Chủ động phối hợp với các đơn vị và Ủy ban nhân dân 16 phường tổ chức thực hiện, hướng dẫn triển khai công tác rà soát, xét duyệt danh sách người cao tuổi, trẻ em mồ côi và những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn quận đảm bảo đúng theo quy định.

- Là đơn vị chịu trách nhiệm tổng hợp, báo cáo về tình hình, kết quả theo dõi trong quá trình triển khai thực hiện chính sách cho từng nhóm đối tượng theo Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân Quận theo quy định.

- Đối với dự toán kinh phí năm 2024 thực hiện thống kê, tổng hợp danh sách đối tượng thụ hưởng và nhu cầu kinh phí thực hiện của 16 phường, lập dự toán kinh phí hỗ trợ theo Hướng dẫn gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. Đồng thời, báo cáo về Ủy ban nhân dân Quận xem xét, bố trí kinh phí thực hiện.

- Đối với dự toán năm 2025 và những năm tiếp theo: cùng với thời điểm xây dựng, tổng hợp dự toán ngân sách địa phương năm 2024, thực hiện thống kê, tổng hợp danh sách đối tượng và nhu cầu kinh phí thực hiện của 16 phường và lập dự toán kinh phí hỗ trợ đối tượng theo Hướng dẫn gửi về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội rà soát, tổng hợp.

2/ Phòng Tài chính - Kế hoạch quận:

Trên cơ sở đề xuất của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu Ủy ban nhân dân Quận bố trí dự toán kinh phí chi trả cho các đối tượng theo Kế hoạch này; Đồng thời, phối hợp Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu Ủy ban nhân dân Quận lập dự toán kinh phí hỗ trợ đối tượng gửi Sở Tài chính theo quy định để thẩm định trình Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bổ sung dự toán kinh phí năm 2024.

- Đối với dự toán năm 2025 và những năm tiếp theo: cùng với thời điểm xây dựng, tổng hợp dự toán ngân sách địa phương, phối hợp Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu Ủy ban nhân dân Quận lập dự toán kinh phí hỗ trợ đối tượng gửi dự toán về Sở Tài chính tổng hợp chung vào dự toán ngân sách địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình Hội đồng nhân dân Thành

phổ giao dự toán ngân sách để thực hiện.

3/ Phòng Giáo dục và Đào tạo:

- Phối hợp với Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội triển khai Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND, Quyết định số 1110/QĐ-UBND và Kế hoạch này đến các cơ sở giáo dục công lập và ngoài công lập trên địa bàn quận, thực hiện hướng dẫn xác nhận cho học sinh là đối tượng thụ hưởng chính sách và tổ chức chi trả kinh phí hỗ trợ học phí đảm bảo đúng quy định.

- Thông báo bằng văn bản đến Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận trong trường hợp học sinh bị kỷ luật ngưng học tập hoặc buộc thôi học, học lưu ban học lại, học bổ sung, chuyển trường.

4/ Phòng Văn hóa và Thông tin: Phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thông tin tuyên truyền mục đích, ý nghĩa của Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND, Quyết định số 1110/QĐ-UBND và Kế hoạch này trên địa bàn tạo sự đồng thuận trong tầng lớp Nhân dân.

5/ Phòng Tư pháp:

Hướng dẫn thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực hộ tịch (khai sinh, khai tử, đăng ký giám hộ...) để làm cơ sở xác định và phê duyệt danh sách đối tượng đủ điều kiện được hưởng chính sách đảm bảo kịp thời, đúng đối tượng, công khai, minh bạch.

6/ Công an quận:

- Triển khai thực hiện Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND trong hệ thống ngành dọc, chỉ đạo Công an phường hướng dẫn thực hiện các thủ tục xác minh các đối tượng đang thực tế cư trú tại địa phương theo quy định của Luật Cư trú đối với các đối tượng thụ hưởng chính sách của Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND.

- Phối hợp với Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội và Ủy ban nhân dân 16 phường trong công tác làm sạch dữ liệu dân cư, cập nhật, bổ sung thông tin cư trú vào hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ công tác làm giàu dữ liệu dân cư và kết nối chia sẻ với Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội.

7/ Đề nghị Bảo hiểm xã hội Quận:

Phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội tiến hành cấp thẻ BHYT kịp thời cho các đối tượng theo quy định, hoàn tất thủ tục trước ngày cuối cùng của tháng để không ảnh hưởng đến quyền lợi của đối tượng thụ hưởng và thanh quyết toán đúng theo quy định cho đối tượng được thụ hưởng.

8/ Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội Quận:

Chủ trì, chỉ đạo hệ thống Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên từ quận đến phường phối hợp tuyên truyền đến đoàn viên, hội viên và Nhân dân về Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND; tham gia giám sát việc triển khai thực hiện quy trình khảo sát xét duyệt danh sách, phương thức, thủ tục chi trả và thanh quyết toán kinh phí thực hiện một số chính sách đặc thù chăm lo, hỗ trợ người cao tuổi, trẻ em mồ côi và những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn quận đảm bảo công khai, minh bạch, dân chủ, đúng đối tượng, đúng chính sách.

9/ Ủy ban nhân dân 16 phường:

- Xây dựng kế hoạch, tổ chức rà soát, khảo sát lập danh sách các đối tượng thuộc diện hỗ trợ được quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 1 Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND đảm bảo chính xác, không để sót đối tượng, đồng thời tổ chức chi trả chính sách hỗ trợ đến đối tượng đầy đủ, kịp thời và thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ đúng quy định.

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến về các chủ trương, chính sách để người dân biết, thực hiện và giám sát.

- Quản lý chặt chẽ đối tượng, có thông tin kịp thời về Ủy ban nhân dân quận (thông qua Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội) đối với các trường hợp đối tượng không còn đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định của Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND để Ủy ban nhân dân quận ban hành Quyết định tạm dừng, thôi hưởng đúng quy định.

- Hàng năm, lập dự toán hỗ trợ cho các đối tượng và gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định trình Ủy ban nhân dân quận lập dự toán và phân bổ kinh phí theo qui định.

- Trên cơ sở ngân sách được Ủy ban nhân dân quận phân bổ, thực hiện chi hỗ trợ cho đối tượng và hoàn thành thủ tục chi trả chính sách hỗ trợ cho đối tượng theo quy định; trường hợp không sử dụng hết ngân sách, kịp thời lập thủ tục hoàn trả ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách.

VII. THÔNG TIN BÁO CÁO VÀ XỬ LÝ VI PHẠM:

1. Thông tin báo cáo:

- Đối với Ủy ban nhân dân phường: thực hiện báo cáo định kỳ hàng tháng (vào ngày 05 hàng tháng); báo cáo 6 tháng (vào ngày 20/5) và báo cáo năm (vào ngày 20/10 hàng năm) và báo cáo đột xuất (nếu có) về kết quả rà soát, xét duyệt danh sách các nhóm đối tượng theo Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND gửi về Ủy ban nhân dân quận (thông qua Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội) để tổng hợp, báo cáo theo quy định.

- Đối với Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội thực hiện báo cáo năm (trước ngày 05 tháng 11) và báo cáo đột xuất về kết quả triển khai thực hiện chính sách đặc thù chăm lo, hỗ trợ người cao tuổi, trẻ em mồ côi và những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn Quận gửi về Ủy ban nhân dân Quận và Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Thành phố.

2. Xử lý vi phạm:

Cơ quan, tổ chức, cá nhân lợi dụng chính sách đặc thù chăm lo, hỗ trợ người cao tuổi, trẻ em mồ côi và những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn Quận để trục lợi, vi phạm pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà phải hoàn trả kinh phí hỗ trợ, bị xử lý kỷ luật, truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện chính sách đặc thù chăm lo, hỗ trợ người cao tuổi, trẻ em mồ côi và những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn quận. Ủy ban nhân dân quận yêu cầu các đơn vị căn cứ các nhiệm vụ được phân công tại

Kế hoạch này có trách nhiệm triển khai thực hiện đạt hiệu quả các nội dung Kế hoạch đã đề ra. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các đơn vị báo cáo về Ủy ban nhân dân quận (thông qua Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội) để hướng dẫn giải quyết hoặc báo cáo xin ý kiến Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định. / *hml*

Nơi nhận:

- Sở LĐ-TB&XH Thành phố;
- Thường trực Quận ủy;
- UBND Quận (CT, các PCT);
- UBMTTQVN và các tổ chức CT-XH Quận;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Quận;
- UBND 16 phường;
- VP UBND Q (CPVP/th, NCTH/vx);
- Lưu: VT, LĐ-TBXH (H). *hml*



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Huỳnh Kim Tuấn